

ĐANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỦY BỎ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần (trừ tổ hợp tác)	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP).
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần (trừ tổ hợp tác)	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đăng ký thành lập là giả mạo					
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về hội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2014/TT-BKHĐT).
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tổ hợp tác					
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	03 ngày làm việc đối với Thông báo; 05 ngày làm việc đối với chấm dứt hoạt động	03 ngày làm việc đối với Thông báo; 05 ngày làm việc đối với chấm dứt hoạt động	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên.
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách,	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hợp nhất					
2	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/lần	Như trên
5	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng	Như trên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng	Như trên
7	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng	Như trên
8	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh,	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng	Như trên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc đối với nhận nghị quyết giải thể; 05 ngày đối với nhận hồ sơ đăng ký giải thể	03 ngày làm việc đối với nhận nghị quyết giải thể; 05 ngày đối với nhận hồ sơ đăng ký giải thể	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	không	Như trên
11	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	05 ngày làm việc (trong nước); (03 ngày làm việc nước ngoài)	05 ngày làm việc (trong nước); (03 ngày làm việc nước ngoài)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	Như trên

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỦY BỎ

STT	Mã TTHC	TÊN TTHC	Quyết định công bố	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.005125	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
2	2.002013	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
3	1.005003	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ

4	1.005047	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
5	1.005122	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
6	2.001979	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
7	2.001957	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
8	1.005056	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
9	1.005072	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
10	2.001962	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
11	1.005064	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
12	1.005124	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ

13	1.005046	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
14	1.005283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
15	2.002125	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
2	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
3	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
4	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ
5	1.004895	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019	Hủy bỏ